

# PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

TS. LƯƠNG VIỆT THÁI

Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Phổ thông

Những thay đổi lớn lao của đất nước trong bối cảnh xu thế hội nhập ngày càng tác động sâu sắc tới mọi mặt của cuộc sống đã đặt ra cho giáo dục nhiệm vụ phải tạo nên những công dân, người lao động có phẩm chất nhân cách, có những giá trị mang tính toàn cầu, có khả năng hành động thích ứng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Giáo dục phổ thông cần chuẩn bị cho người học những năng lực cần thiết cho cuộc sống xã hội, lao động.

Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy, để có lực lượng lao động tương thích với đặc điểm của kinh tế - xã hội đương đại (chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi sự phát triển của khoa học kỹ thuật; xu thế chuyển dịch sang nền kinh tế tri thức; toàn cầu hóa; ...), nền giáo dục phải hướng tới đào tạo con người có năng lực, sáng tạo trên nền tảng học vấn vững chắc.

Trong việc phát triển chương trình giáo dục phổ thông của các nước, việc xác định các năng lực cần thiết và cách thức để hình thành, phát triển các năng lực này cho người học là vấn đề được đặc biệt chú trọng.

## 1. Về khái niệm năng lực và các năng lực được quan tâm phát triển cho học sinh trong chương trình giáo dục phổ thông

Có nhiều định nghĩa về năng lực như:

- *Trần Trọng Thủy và Nguyễn Quang Uẩn* (1998) "Năng lực là tổng hợp những thuộc tính độc đáo của cá nhân phù hợp với những yêu cầu đặc trưng của một hoạt động nhất định, nhằm đảm bảo việc hoàn thành có kết quả tốt trong lĩnh vực hoạt động ấy".

- *F.E. Weinert* (2001) cho rằng "Năng lực của học sinh là sự kết hợp hợp lý kiến thức, kỹ năng và sự sẵn sàng tham gia để cá nhân hành động có trách nhiệm và biết phê phán tích cực hướng tới giải pháp cho các vấn đề".

- *OECD* (Tổ chức các nước kinh tế phát triển) đưa ra khái niệm về năng lực như sau: "Năng lực là khả năng cá nhân đáp ứng các yêu cầu phức hợp

và thực hiện thành công nhiệm vụ trong một bối cảnh cụ thể".

Như vậy, có thể quan niệm về năng lực: sự kết hợp một cách linh hoạt và có tổ chức các "nguồn lực": kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị, động cơ, ... mà cùng nhau được huy động nhằm hoạt động có hiệu quả trong bối cảnh nhất định.

### 1.1. Một số đặc điểm của năng lực

- Năng lực chỉ có thể quan sát được qua hoạt động của cá nhân ở các tình huống nhất định.

- Có thể phân thành: năng lực chung/ chủ chốt (key competency) và năng lực chuyên biệt (domain-specific competency). Năng lực chung là những năng lực cần thiết để cá nhân có thể tham gia hiệu quả trong nhiều hoạt động và các bối cảnh khác nhau của đời sống xã hội (ví dụ: làm việc nhóm; giao tiếp; giải quyết vấn đề; ...). Năng lực này cần thiết cho tất cả mọi người. Năng lực chuyên biệt (ví dụ: năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực kinh doanh,...) chỉ cần thiết đối với một số người hoặc cần thiết ở một số tình huống nhất định.

- Năng lực được hình thành và phát triển ở trong và ngoài nhà trường. Nhà trường được coi là môi trường chính thúc giúp học sinh có được những năng lực chung, cần thiết song đó không phải là nơi duy nhất. Những bối cảnh và không gian không chính thức khác như: gia đình, cộng đồng, phương tiện thông tin đại chúng, tôn giáo và môi trường văn hoá ... góp phần bổ sung và hoàn thiện năng lực cá nhân.

- Năng lực và các thành tố của nó không bất biến mà có thể thay đổi từ năng lực sơ đẳng, thụ động tới năng lực bậc cao mang tính tự chủ cá nhân. Vì vậy, để xem xét năng lực của một cá nhân nào đó, chúng ta không chỉ nhằm tìm ra cá nhân đó có những thành tố năng lực nào mà còn phải chỉ ra mức độ của những năng lực đó. Đỉnh cao nhất của năng lực là cá nhân có khả năng tự chủ cao trong mọi hoạt động.

- Năng lực được hình thành và cải thiện liên tục trong suốt cuộc đời con người vì sự phát triển năng lực về thực chất là làm thay đổi cấu trúc nhận thức

và hành động của cá nhân chứ không chỉ đơn thuần là sự bổ sung các mảng kiến thức riêng rẽ. Do đó, năng lực có thể bị yếu hoặc mất đi nếu như chúng không được sử dụng tích cực và thường xuyên.

- Các thành phần của năng lực chung thường đa dạng vì chúng được quyết định tùy theo yêu cầu của kinh tế xã hội và đặc điểm văn hoá của quốc gia, dân tộc và địa phương.

**1.2. Việc nghiên cứu, xác định các năng lực cần phát triển ở học sinh đã được nhiều tổ chức quốc tế cũng như các quốc gia quan tâm**

Tổ chức UNESCO đưa ra các trụ cột về học tập của UNESCO : học để biết, học để làm, học để cùng chung sống, học để tự khẳng định mình.

OECD đã thực hiện một nghiên cứu bài bản về các năng lực cần đạt của học sinh phổ thông trong thời kì kinh tế tri thức và đã đưa ra khung năng lực gồm 3 nhóm năng lực sau :

+ Các năng lực chủ chốt cho việc sử dụng các công cụ hiệu quả (Có khả năng sử dụng ngôn ngữ, biểu tượng và các văn bản một cách tích cực; Có khả năng kiểm soát kiến thức và thông tin; Có khả năng sử dụng công nghệ mới một cách phù hợp)

+ Các năng lực hành động tự chủ, sáng tạo (Có khả năng bảo vệ và khẳng định quyền, lợi ích, trách nhiệm, nhu cầu cá nhân và những giới hạn cho phép; Có khả năng xây dựng và thực hiện kế hoạch cá nhân và các dự án; Có khả năng hành động hiệu quả trong điều kiện, hoàn cảnh thay đổi).

+ Các năng lực tương tác trong các nhóm xã hội không đồng nhất (Có khả năng thiết lập quan hệ với người khác; Có khả năng hợp tác; Có khả năng điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn).

Khung này được vận dụng và điều chỉnh tùy thuộc vào điều kiện kinh tế- xã hội và văn hoá của mỗi quốc gia thuộc khối OECD.

Trong chương trình giáo dục phổ thông của một số nước, khung các năng lực chung/ chủ chốt (key competencies) được xác định làm cơ sở, tham chiếu cho việc xây dựng chương trình. Dưới đây là một số ví dụ :

**a/ Chương trình giáo dục của CHLB Đức** đưa ra 4 nhóm năng lực chung cần hình thành cho học sinh, đó là: **Năng lực chuyên môn:** khả năng học các nội dung môn học, có kiến thức môn học; **Năng lực phương pháp:** khả năng học cách thức làm việc, có phương pháp học, làm việc; **Năng lực xã hội :** khả năng giao tiếp, ứng xử; **Năng lực đánh giá.**

Các năng lực này được phát triển qua học tập các môn học, hoạt động giáo dục ở nhà trường. Trong chương trình mỗi môn học đều góp phần phát triển các năng lực chung này, ví dụ trong môn Vật lí xác định bốn nhóm năng lực :

- Năng lực chuyên môn: Các hiện tượng, khái niệm, nguyên lí, định luật vật lí. Phân chia thành 4 lĩnh vực: năng lượng; vật chất; tương tác; các hệ.

- Năng lực phương pháp: Phương pháp quan sát, thực nghiệm và các phương pháp nghiên cứu khác như sử dụng mô hình, ... (ví dụ: học sinh mô tả hiện tượng và tìm ra những mối quan hệ vật lí đã biết; học sinh lựa chọn dữ liệu và thông tin từ các nguồn khác nhau để thực hiện và giải quyết vấn đề, kiểm tra và phân loại chúng).

- Năng lực giao tiếp: Phân tích và trao đổi thông tin liên quan tới môn học (ví dụ : học sinh trao đổi với nhau về kiến thức vật lí và ứng dụng của nó bằng cách sử dụng những ngôn ngữ chuyên ngành và các thể hiện đặc trưng của môn; học sinh phân biệt giữa sự mô tả những hiện tượng bằng ngôn ngữ đời sống với ngôn ngữ chuyên ngành; ..).

- Năng lực đánh giá: Nhận ra và đánh giá các sự kiện vật lí trong các tình huống/ bối cảnh khác nhau (ví dụ : học sinh chỉ ra triển vọng và giới hạn những ví dụ vật lí đơn giản dưới nhãn quan vật lí trong những tình huống trong và ngoài môn học; học sinh so sánh và đánh giá những giải pháp kĩ thuật mới trên các khía cạnh vật lí, kinh tế, xã hội và sinh thái)

**Phân bậc mức độ yêu cầu của các năng lực**

	I	II	III
Năng lực chuyên môn	Tái hiện kiến thức	Vận dụng kiến thức	Liên kết và vận dụng kiến thức
Năng lực phương pháp	Mô tả lại các phương pháp chuyên biệt	Sử dụng các phương pháp chuyên biệt	Lựa chọn và vận dụng các PP chuyên biệt để giải quyết vấn đề
Năng lực giao tiếp	Làm theo mẫu diễn tả cho trước	Sử dụng hình thức diễn tả phù hợp	Tự lựa chọn cách diễn tả và sử dụng
Năng lực đánh giá	Áp dụng sự đánh giá có sẵn	Bình luận những đánh giá đã có	Tự đưa ra những đánh giá của bản thân

**b/ Chương trình giáo dục của Bang Quebec (Canada)** xác định các năng lực xuyên suốt chương trình gồm 4 nhóm và có 9 năng lực :

- Các năng lực nhận thức : sử dụng thông tin ; giải quyết vấn đề ; đưa ra ý kiến có phê phán ; áp dụng sáng tạo.

- Các năng lực về phương pháp : theo phương pháp làm việc có hiệu quả ; sử dụng ICT.

- Các năng lực cá nhân và xã hội : xây dựng đặc trưng riêng của cá nhân ; hợp tác với những người khác

- Năng lực liên quan tới giao tiếp : giao tiếp một cách thích hợp.

Trong dạy học khoa học, công nghệ, các năng lực về khoa học, công nghệ được chú trọng phát triển là: Giải thích/ đưa ra giải pháp cho các vấn đề khoa học, công nghệ; Vận dụng kiến thức khoa học, công nghệ; Giao tiếp với ngôn ngữ sử dụng trong khoa học, công nghệ. Qua đó, góp phần phát triển các năng lực chung như năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, ...

### **c/ Chương trình giáo dục New Zealand**

Từ năm 2000, Bộ Giáo dục New Zealand đã tiến hành cải tổ giáo dục phổ thông, trước tiên bằng việc xây dựng chương trình dựa trên tiếp cận "dựa vào năng lực". Khung năng lực được đưa ra gồm: Có hiểu biết đầy đủ về bản sắc cá nhân; Có trách nhiệm với bản thân, có niềm tin và động cơ đúng đắn; Hiểu và phê phán các hiện tượng của thế giới xung quanh, lấy đó làm cơ sở để ra quyết định trong cuộc sống; Trình bày tốt ý kiến và quan điểm trước nhiều người; Tham gia và đóng góp hiệu quả cho cuộc sống (gia đình, cộng đồng, nhà trường...)

**d/ Ở Việt Nam, những yêu cầu về phát triển năng lực cũng đã được thể hiện trong Luật Giáo dục.**

Luật Giáo dục (năm 2005), Điều 27 nêu: "*Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kĩ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*". Trong chương trình giáo dục phổ thông, các mục tiêu, yêu cầu nói trên cũng được đề cập. Tuy nhiên, các năng lực đưa ra ở giai đoạn xác định mục tiêu của giáo dục phổ thông hay của từng cấp học còn chung, chưa cụ

thể. Đây cũng là một nguyên nhân dẫn tới việc thể hiện định hướng phát triển các năng lực khi xây dựng chương trình các môn học còn hạn chế (chưa đồng đều giữa các môn, ...).

Ngoài các năng lực chung như đã nói ở trên, trong chương trình giáo dục còn có năng lực riêng biệt môn học (liên quan tới kiến thức, kĩ năng môn học) hoặc các năng lực chuyên biệt liên quan tới một nghề nào đó (ví dụ vận hành một loại máy).

### **2. Về chương trình theo định hướng phát triển năng lực người học (chương trình dựa vào năng lực và chương trình dựa vào nội dung)**

Tùy theo cách tiếp cận phát triển chương trình, người ta có thể phân chia thành chương trình dựa vào năng lực (competency based curriculum) và chương trình dựa vào nội dung (content-based curriculum):

#### **- Với chương trình dựa vào nội dung :**

Chương trình được xây dựng trên cơ sở cho rằng có một số kiến thức văn hóa xã hội, ... (chẳng hạn như của các khoa học bộ môn như toán học, vật lí, địa lí, ..) mà tất cả mọi người cần biết. Chương trình được thiết kế để cung cấp những kiến thức đó. Việc xây dựng chương trình bắt đầu với việc phân tích những kiến thức nào của các khoa học bộ môn được đưa vào hay không được đưa vào.

Chương trình được hiểu như là một " sản phẩm" chứa các nội dung cần chuyển giao cho học sinh, mô tả nội dung giáo viên cần dạy cho học sinh. Kiến thức thường được trình bày theo từng khối riêng biệt (theo các khoa học bộ môn); và giả định rằng khi học sinh nắm vững từng bộ phận riêng biệt thì họ sẽ nắm được tổng thể.

#### **- Với chương trình theo định hướng năng lực :**

Đây là chương trình chú ý tới đầu ra cần đạt. Điểm bắt đầu của xây dựng chương trình là việc xác định các năng lực cần cho cuộc sống và tham gia có hiệu quả trong xã hội. Kết quả học tập cần đạt là điểm bắt đầu để xác định, lựa chọn, tổ chức các kinh nghiệm học tập có nghĩa.

Từ quan niệm này, chương trình xác định các năng lực người học cần đạt và các nguyên tắc để xác định các kiểu "kinh nghiệm" mà sẽ giúp học sinh đạt được các năng lực này.

Do việc hình thành, phát triển các năng lực đòi hỏi sự vận dụng phối hợp các kiến thức, kĩ năng, ... nên chương trình chú ý tới tính tổng thể, tới kết hợp và tích hợp kiến thức (có thể qua tích hợp môn học, qua xây dựng các chủ đề học tập rộng gắn với những vấn đề thực tiễn, ...). Lô gic khoa học bộ



môn không phải là duy nhất chi phối việc tổ chức nội dung chương trình. Đồng thời không chú trọng tới việc cung cấp nhiều kiến thức của các khoa học bộ môn mà chú ý lựa chọn, tổ chức các nội dung học tập một cách hợp lí, tạo cơ sở cho việc phát triển các năng lực cho học sinh.

### 3. Những ưu điểm của chương trình theo định hướng năng lực

- Chương trình xác định một cách rõ ràng các năng lực cần thiết cho người học (trong đó có năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn, các kĩ năng sống, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, ..) và các biện pháp (việc tổ chức chương trình, phương pháp dạy học, ...) nhằm đạt các năng lực. Do vậy, chương trình không chỉ "dạy chữ" (trang bị cho người học các kiến thức, kĩ năng các môn học) mà còn chú trọng tới "dạy người". Qua đó thực hiện tốt mục tiêu giáo dục.

- Các năng lực xuyên suốt các lớp/ cấp học và giữa các lĩnh vực học tập/ môn học tạo thuận lợi cho việc kế thừa, phát triển, gắn kết (giữa các lĩnh vực nội dung học tập, các bối cảnh học tập; giữa các lớp/ cấp học; ...), giúp cho việc học tập của học sinh có nghĩa, các em phát triển tốt.

- Do chú trọng tới yêu cầu "đầu ra" là các năng lực cần đạt nên trong chương trình dựa vào năng lực, việc lựa chọn nội dung, cách thức thực hiện ("các kinh nghiệm học tập" cho học sinh) sẽ linh hoạt, mềm dẻo hơn so với chương trình mà mô tả trước các nội dung cần truyền đạt cho học sinh. Do vậy, có điều kiện để đáp ứng nhu cầu, điều kiện đa dạng của người học, vùng miền (thực hiện dạy học phân hóa; phân cấp trong phát triển, tổ chức thực hiện chương trình).

- Góp phần "giảm tải" (do thực hiện tích hợp các môn học; do không đặt nặng vấn đề cung cấp nhiều kiến thức các môn học cho học sinh; ...).

- Chương trình dựa vào năng lực quan tâm sử dụng các tình huống phức hợp, tình huống thực tiễn trong dạy học; chú ý tới khả năng hành động theo tình huống. Do vậy, học sinh tham gia tích cực trong học tập và được rèn luyện, phát triển năng lực giải quyết các vấn đề thực tế của cuộc sống. Học sinh nhận thấy việc học mang lại lợi ích và có ý nghĩa đối với cuộc sống hiện tại và tương lai của các em do đó sẽ có thái độ tích cực đối với việc học tập và tạo cơ sở cho học tập suốt đời.

- Để đạt được các mục tiêu riêng của môn học cũng như phát triển các năng lực chung của học sinh (như làm việc nhóm, giao tiếp, ...) thì đòi hỏi sử dụng các phương pháp dạy học tích cực. Lớp học

sinh động hơn, học sinh tham gia tích cực hơn, có trách nhiệm hơn đối với việc học tập của họ, tự tin hơn, ... Vai trò của giáo viên - người hỗ trợ và hướng dẫn người học học tập có hiệu quả - được đề cao. Giáo viên được khuyến khích sáng tạo trong dạy học, lựa chọn nội dung, sử dụng đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học thích hợp, ...

- Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh chú ý đến các thành tố khác nhau của năng lực (không chỉ tập trung vào ghi nhớ kiến thức). Đánh giá quan tâm tới việc học sinh thể hiện năng lực như thế nào ở các tình huống gắn với thực tiễn. Không chỉ đánh giá kết quả đầu ra mà còn cả quá trình đi đến kết quả đó. Việc đánh giá như vậy sẽ thúc đẩy việc học tập có ý nghĩa của học sinh, thúc đẩy sự tiến bộ của các em.

### 4. Một số yêu cầu trong phát triển chương trình theo định hướng phát triển năng lực người học

- Quán triệt mục tiêu giáo dục - mục tiêu phát triển năng lực người học.

- Đảm bảo tính khoa học và tính sư phạm:

+ Phạm vi (đảm bảo tính cơ bản, phổ thông).

+ Cân đối, toàn diện (các lĩnh vực nội dung; các khía cạnh của năng lực).

+ Hiện đại, cập nhật.

+ Phù hợp (phù hợp với trình độ phát triển người học; thiết thực, gắn với thực tiễn Việt Nam).

- Kế thừa, phát triển, gắn kết (đảm bảo sự tiến bộ trong việc học tập, sự phát triển năng lực của người học qua các cấp/ lớp; tạo cơ sở cho học tập suốt đời; tạo thuận lợi cho việc chuyển đổi giữa các trường, các pha trong giáo dục; gắn kết, tích hợp các lĩnh vực nội dung; các khía cạnh của năng lực).

- Chất lượng của các tiếp cận dạy và học (đòi hỏi sự tham gia tích cực của người học; chú ý tới sự khác biệt giữa các cá nhân người học; chú ý tới học tập cả là quá trình cá nhân và là quá trình xã hội; ...).

### Đảm bảo sự bình đẳng về quyền lợi trong học tập

- Đáp ứng yêu cầu phát triển của từng đối tượng học sinh. Mềm dẻo, đáp ứng sự đa dạng của người học

- Đảm bảo tính thống nhất (giữa nội dung, phương pháp giáo dục, đánh giá, và mục tiêu giáo dục; ...)

- Đảm bảo tính khả thi.

- Đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững : Chú ý tới phát triển năng lực học tập suốt đời; năng lực đáp ứng, thích nghi trong một xã hội biến đổi không ngừng; năng lực cùng chung sống; ....

## 5. Một số vận dụng trong phát triển chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015

Nghiên cứu chương trình của một số nước có nền giáo dục phát triển cho thấy, mặc dù có sự khác nhau trong việc xác định khung năng lực, có những cách thức cụ thể khác nhau trong phát triển chương trình, nhưng đều có các điểm chung là :

- Tất cả các nước đều có sự chú ý tới hình thành, phát triển những năng lực, kĩ năng cần cho học suốt đời, cuộc sống hằng ngày, công dân, cuộc sống lao động - trong đó có sự chú trọng tới các năng lực chung (như năng lực hợp tác, làm việc theo nhóm, giao tiếp, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, ...);

- Trong xác định nội dung, hướng dẫn dạy học chú trọng tới các tình huống, bối cảnh thực tiễn (tự nhiên, văn hóa, xã hội, ...);

- Quan tâm xác định các năng lực, kĩ năng chung/ chủ chốt và các lĩnh vực học tập/ môn học làm cơ sở xây dựng chương trình;

Mặc dù ở trên có phân định hai loại chương trình : chương trình dựa vào nội dung và chương trình dựa vào năng lực, trong thực tiễn phát triển chương trình, thường phải có sự kết hợp của cả hai cách tiếp cận trên. Cách thức kết hợp cũng có thể khác nhau. Kinh nghiệm quốc tế cũng cho biết để xây dựng một chương trình hiệu quả thì không thể chỉ dựa trên cơ sở "một danh sách" các năng lực chung cần phát triển mà phải quan tâm trang bị một vốn kiến thức đảm bảo tính toàn diện. Vấn đề là ở chỗ có sự kết hợp hợp lí (hiệu quả, không khiên cưỡng, ...) và phù hợp với thực tiễn của đất nước.

Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành của Việt Nam, bên cạnh những ưu điểm thì cũng còn những bất cập như còn thiên về trang bị kiến thức khoa học bộ môn; chưa chú trọng đúng mức tới việc rèn luyện phương pháp tự học, thực hành và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh; chưa chú ý đúng mức tới hình thành và phát triển các năng lực cần thiết cho học sinh sống trong xã hội hiện đại luôn luôn biến động, đặc biệt là các năng lực nhận thức, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hoạt động xã hội...

Để hoà nhập với xu thế chung, trong đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông sau

năm 2015, ở Việt Nam, cần tiếp cận, nghiên cứu việc phát triển chương trình theo định hướng phát triển năng lực người học đồng thời vận dụng cho phù hợp với truyền thống, đặc điểm người học và điều kiện cụ thể của nhà trường, của kinh tế- xã hội đất nước.

Chương trình giáo dục phổ thông được xây dựng theo cách xuất phát từ các năng lực thiết yếu mà mỗi HS cần có và kết quả cuối cùng phải đạt các năng lực ấy.

- Trước hết, từ các cơ sở về đặc điểm, sự phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, các giá trị, ... ; từ vị trí, mục tiêu giáo dục phổ thông; đặc điểm tâm sinh lí người học cần xác định những yêu cầu về năng lực cần hình thành, phát triển ở người học để đáp ứng được yêu cầu cuộc sống và thành công trong tương lai (công dân có ích, người lao động hiệu quả, ...) sau mỗi cấp học và sau giáo dục phổ thông. Việc xác định các năng lực này, ngoài các nhà giáo dục thì cần có sự tham gia rộng rãi của nhiều đối tượng liên quan như những người lao động, sử dụng lao động, các nhà hoạt động chính trị, xã hội, phụ huynh, bản thân học sinh, ... với phương thức tham gia phù hợp.

- Xác định (chuẩn) năng lực cần đạt sau mỗi cấp học/ lớp học. Xây dựng phương thức đánh giá phù hợp, cho phép xác định/giám sát được việc đạt được năng lực.

- Trên cơ sở các năng lực cần đạt cũng như trên cơ sở xác định các môn học, lĩnh vực học tập để xây dựng chương trình. Trong đó cần quan tâm :

- Quán triệt các yêu cầu phát triển năng lực trong chương trình mỗi môn học.

- Xây dựng các chủ đề học tập rộng, xuyên môn tạo cơ sở cho việc phát triển các năng lực của học sinh. (Các chủ đề học tập rộng này : giúp học sinh liên hệ kiến thức môn học với những mối quan tâm hằng ngày, giúp hiểu hơn về thực tế; giải những vấn đề lớn mà thế hệ trẻ phải đối mặt; trở thành công dân tích cực của địa phương, đất nước, toàn cầu. Các chủ đề đáp ứng nhu cầu/ sở thích đa dạng của học sinh và phản ánh yêu cầu của xã hội đối với giáo dục; Tạo thuận lợi cho sự tích hợp việc học tập trong các môn học khác nhau, phát triển năng lực giải quyết vấn đề).

- Thực hiện dạy học phân hóa, đáp ứng nhu cầu phát triển năng lực cá nhân, khuyến khích sở thích cá nhân học sinh. Trong đó, ở các lớp trên (Trung học phổ thông) cần giảm bớt số môn học bắt buộc và tăng cường tự chọn.

- Tinh giảm khối lượng kiến thức. Tập trung vào những cơ sở cho học tập suốt đời. Tăng cường việc giáo dục kĩ năng sống cho học sinh.

- Chú ý tới dạy học tích hợp. Đẩy mạnh dạy và học tích cực nhằm phát triển các năng lực cho học sinh; Tăng cường cho học sinh thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng vào các tình huống có nghĩa; Đa dạng hóa các hoạt động học tập; tăng cường cho học sinh tìm tòi khám phá, nghiên cứu, thực hiện các dự án học tập, ... tham gia các hoạt động xã hội; đẩy mạnh ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin.

- Trong phát triển chương trình: phân cấp mạnh hơn cho cơ quan giáo dục địa phương và nhà trường trong việc xây dựng chương trình địa phương. Đồng thời cần tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện cho các địa phương và nhà trường và có những hỗ trợ cần thiết. Bộ có thể xây dựng một số "mẫu" để tham khảo.

Đa dạng hóa về tài liệu dạy học: có những tài liệu hỗ trợ dạy học phù hợp với các vùng miền, đối tượng. Một số môn học có thể có một số bộ sách để nhà trường lựa chọn phù hợp với điều kiện thực tế. Đa dạng hóa về loại hình tài liệu: in; CD/VCD/...; Internet; ...

Trong quản lí chương trình, cần phân cấp mạnh hơn cho địa phương; cho phép nhà trường chủ động, linh hoạt hơn trong tổ chức thực hiện chương trình.

Chuẩn bị đồng bộ, đặc biệt là vấn đề đội ngũ giáo viên để đáp ứng được yêu cầu đổi mới của chương trình.

### Tài liệu tham khảo

1. International Bureau of Education, *The debate on competencies*, 2005.
2. *Chương trình Giáo dục phổ thông của Quebec*, 2005.
3. Lương Việt Thái, *Báo cáo Hội thảo Đề tài Phát triển chương trình theo định hướng phát triển năng lực người học*, 2010.
4. Muller W, *Nghiên cứu lí luận dạy và học vật lí ngày nay*, 2009.
5. Nguyễn Thị Minh Phương, *Báo cáo tổng kết Đề tài Xây dựng khung năng lực của học sinh phổ thông Việt Nam*, 2009..
6. Roegiers X, *Cách tiếp cận theo năng lực tại các nước sử dụng tiếng Pháp ở Châu Phi - Một vài xu hướng*, 2008.
7. *Tạp chí so sánh chương trình INCA*.

### SUMMARY

*This article addresses the curriculum development using capacity development approach. In this article the author presents: 1/ concepts of capacity, research on needed capacities done by other countries and international organizations; 2/ learners' capacity centered curriculum development and content based curriculum; 3/ advantages of capacity-based curriculum; 4/ requirements for capacity-based curriculum.*

## TƯ TƯỞNG...

(Tiếp theo trang 10)

phương pháp và tác phong dân chủ tiến bộ theo quan điểm Hồ Chí Minh cho cán bộ, giảng viên và sinh viên, học sinh trường mình.

*Dân chủ* là điều kiện tiên quyết để đi đến *thông suốt*. Học sinh cần phải *thông suốt mọi vấn đề* trong sự học. Cán bộ, giảng viên cũng cần được *thông suốt* những vấn đề về tổ chức quản lí, của đơn vị mình. Để cho đối tượng mình được *thông suốt*, nhà quản lí, giảng viên trước hết phải có cái tâm trong sáng, nhiệt thành, có năng lực chuyên môn giỏi, phương pháp tốt, quan hệ tốt và một hệ thống tổ chức quản lí dân chủ, cởi mở.

### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập I đến tập VI xuất bản năm 1995; Tập VII đến tập XII xuất bản năm 1996, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Võ Văn Lộc (2011), *Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân chủ trong giáo dục*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

### SUMMARY

*Based upon President Ho Chi Minh's speeches the author has summarized his thinking on democracy in school management.*